

Số: 81 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tư Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 14/11/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Tư Nghĩa;

Theo đề nghị của UBND huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 04/02/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 474/TTr-STNMT ngày 09/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tư Nghĩa, với các nội dung như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp.

a) Tổng số danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2021 là 10 công trình, dự án, với tổng diện tích là 44,07 ha. Trong đó:

- Có 07 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 43,25 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo).

- Có 03 công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với diện tích 0,82 ha (Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo).

b) Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp:

Có 07 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, với diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất lúa 11,89 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo).

6. Danh mục các công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021 (Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo).

7. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất quá 3 năm đã loại bỏ nay tiếp tục thực hiện trong năm 2021 (Chi tiết tại Phụ biểu 05 kèm theo).

8. Danh mục công trình, dự án không thuộc khoản 3 Điều 62 và khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021 (Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo).

9. Danh mục các công trình, dự án loại bỏ không tiếp tục thực hiện trong năm 2021 (Chi tiết tại Phụ biểu 07 kèm theo).

10. Danh mục công trình, dự án đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Tư Nghĩa.

Trong năm 2021, UBND huyện Tư Nghĩa đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với tổng số 05 công trình, dự án (Chi tiết tại Phụ biểu 08 kèm theo).

11. Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện giao đất trong năm 2021 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (Chi tiết tại Phụ biểu 09 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Tư Nghĩa chịu trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và chịu trách nhiệm nội dung đăng ký danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Tư Nghĩa kiểm tra, rà soát hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tư Nghĩa, trình cấp thẩm quyền xem xét đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

4. Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tư Nghĩa theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, thông báo cho tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định tại các Quyết định: Số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 và số 08/2020/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh.

5. Đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác, UBND huyện Tư Nghĩa phải cung cấp thông tin về chương trình, dự án, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn, thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp.

6. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới trong năm kế hoạch sử dụng đất thì tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai (*thông báo thu hồi đất, lập phương án bồi thường, thu hồi đất,...*) mà phát hiện công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét, điều chỉnh quyết định cho đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh66).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Biểu 01

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN TỰ NGHĨA
(Kèm theo Quyết định số 84 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: ha

TT	LOẠI ĐẤT	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc															
			Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Sông Vệ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Hòa	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		20.560,80	466,84	265,15	717,17	1.047,75	986,41	2.552,68	1.455,97	446,34	662,03	3.790,36	3.925,88	1.504,16	1.450,45	1.289,61	
I.1	Đất nông nghiệp	NNP	15.688,86	163,04	115,17	487,16	691,58	578,51	1.927,55	811,12	306,52	413,05	3.634,84	3.485,98	1.150,18	983,93	940,24	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.058,44	74,02	57,17	192,06	399,55	242,27	538,03	217,70	143,21	199,48	64,24	449,53	289,98	685,74	505,49	
1.2	Trồng đọt: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.992,03	74,02	57,17	192,06	399,55	242,27	514,82	217,70	143,21	199,48	38,59	447,04	274,89	685,74	505,49	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	HNK	4.523,38	74,37	58,01	256,37	266,15	227,59	812,63	286,95	157,09	141,34	72,31	875,38	582,58	289,21	423,42	
1.4	Đất rừng phòng hộ	CLN	1.038,28	14,09		31,12	18,55	34,56	210,66	163,76	6,20	31,79	73,25	297,16	137,31	8,49	11,33	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RPH	2.516,80						110,42				2.187,89	218,49				
1.6	Đất rừng sản xuất	RDD																
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	RSSX	3.423,07			2,54			238,95	136,95		37,92	1.236,73	1.639,13	130,85			
1.8	Đất làm muối	NTS	96,39			0,18	7,34	74,10	3,13	5,76	0,02		0,42	4,96		0,49		
1.9	Đất nông nghiệp khác	LMU																
2	Đất phi nông nghiệp	NKH	32,50	0,56		4,90			13,73			2,52		1,33	9,46			
2.1	Đất quốc phòng	PNN	4.576,51	296,52	147,97	220,00	346,92	396,89	619,29	468,83	136,11	231,08	151,92	418,06	347,40	452,75	342,79	
2.2	Đất an ninh	CQP	86,98	2,50								4,50	65,33	1,69	12,95			
2.3	Đất khu công nghiệp	CAN	11,65	1,87	0,06				9,49	0,10					0,14			
2.4	Đất khu chế xuất	SKK																
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKT																
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	SKN	25,52	11,59											13,93			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKM	48,78	5,46	0,86	1,15	4,12	6,55	2,82	0,21	0,08	3,04		1,98	14,11	7,53	0,88	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKC	19,95	4,89	0,05			1,28	6,66						6,43	0,65		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	SKS																
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DHT	1.397,16	119,09	45,54	88,45	83,59	89,40	197,73	95,50	28,53	61,07	27,30	184,03	109,22	132,56	135,18	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DHT	1,85				0,22	0,59	0,13	0,28		0,63						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DDL																
2.13	Đất ở tại nông thôn	DRA	21,63						21,63									
2.14	Đất ở tại đô thị	ONT	1.156,36						105,57	78,51	83,84	126,98	218,62	37,24	80,29	10,88	63,31	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	ODT	149,22	100,86	48,35													
		TSC	10,99	3,40	0,39	0,25	1,37	0,14	0,18	0,15	0,23	0,28	0,27	2,61	0,53	0,63	0,57	

TT	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc														
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Hoà	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thăng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,63	1,36	0,20			0,07	2,99									
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,52	2,65	0,60	0,43	1,38	2,27	0,28	0,79	0,45			0,17	1,60		1,89	
2.20	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	585,38	26,06	14,40	17,53	59,03	79,03	107,20	24,03	49,75	1,36	26,91	49,59	59,84		41,08	
2.21	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	59,09						30,11	5,03				9,82	3,20			
2.22	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,38	0,36	0,61	0,52	1,07	0,63	0,24	1,10	0,34	0,48	1,32	0,66	1,00		2,11	
2.23	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,54	4,40	1,13	0,82			0,66						1,27		1,26	
2.24	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,38	0,71	0,18	1,09	1,32	1,35	1,18	0,03	0,16		0,14	0,11	1,10		1,45	
2.25	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	915,68	10,31	34,69	3,69	113,33	131,54	108,01	116,36	41,90	46,19	116,61	75,59	73,26		23,69	
2.26	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	38,51	0,84	0,76	0,48	2,99	0,20	3,02	1,87	2,81	0,11	14,28	4,58	1,46		1,80	
2.27	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,32	0,18	0,14													
3	Đất chưa sử dụng	CSD	295,43	7,28	2,01	10,01	9,26	11,02	5,85	176,03	3,71	3,60	21,84	6,57	13,77		6,58	
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																
5	Đất khu kinh tế*	KKT																
6	Đất đô thị*	KDT																

Biểu 02

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	(3)	(4)=(5)+...+(19)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thượng	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng diện tích		221,61	31,50	8,35	7,23	8,61	11,14	27,88	1,44	13,41	27,64	27,21	36,07	9,27	8,63	3,23
1	Đất nông nghiệp	NNP	192,60	28,67	6,03	6,73	8,10	8,34	25,55	1,44	10,27	24,61	22,48	34,68	6,13	7,13	2,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	73,94	20,58	2,48	1,00	0,92	1,98	11,24		0,30	8,10	11,56	14,47	1,31		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	73,94	20,58	2,48	1,00	0,92	1,98	11,24		0,30	8,10	11,56	14,47	1,31		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	110,75	7,75	3,55	5,53	7,18	6,36	13,90	1,44	7,51	16,51	10,92	20,21	4,82	2,63	2,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,31	0,34		0,20			0,41		0,36						
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH															
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD															
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4,50								2,10					4,50	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,10														
1.8	Đất làm muối	LMU															
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	29,01	2,83	2,32	0,50	0,51	2,80	2,33		3,14	3,03	4,73	1,39	3,14	1,50	0,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP															
2.2	Đất an ninh	CAN															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMĐ															
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8,14	1,33	0,12		0,02	1,80	1,33		0,36	0,33	1,49	1,19	0,17		
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT															
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA															
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	8,54			0,50	0,47	1,00	0,86		2,03	2,60	0,55	0,16	0,37		

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				L.à Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thuần	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,56	0,55	0,01													
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,25	0,24	0,01													
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TGN																
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,49	0,10	0,01		0,14	0,65	0,09	2,05	0,45							
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,40							0,40								
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH																
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	6,94	0,16	2,19				0,01	0,24	2,01	1,50	0,79					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,69	0,45				0,10			0,14							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																

KẾ HOẠCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	(3)	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	192,60	28,67	6,03	6,73	8,10	8,34	25,55	1,44	10,27	24,61	22,48	34,68	6,13	7,13	2,44
1.1	Đất trồng lúa	LU/A/PNN	73,94	20,58	2,48	1,00	0,92	1,98	11,24		0,30	8,10	11,56	14,47	1,31		
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LU/C/PNN	73,94	20,58	2,48	1,00	0,92	1,98	11,24		0,30	8,10	11,56	14,47	1,31		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	110,75	7,75	3,55	5,53	7,18	6,36	13,90	1,44	7,51	16,51	10,92	20,21	4,82	2,63	2,44
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN		0,34		0,20			0,41		0,36						
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN															
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,50														4,50
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,10								2,10						
1.7	Đất làm muối	LMU/PNN															
1.8	Đất nông nghiệp còn lại	NKH/PNN															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LU/A/CLN															
2.2	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng rừng	LU/A/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LU/A/NTS															
2.4	Đất trồng lúa chuyên sang đất làm muối	LU/A/LMU															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR ^(a)															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR ^(a)															

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thảng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ	
2.9	Đất rừng phòng hộ chuyên: sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR ^(a)																
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyên sang đất ở	PKO/OCT																

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác
 PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Biểu 04
KẾ HOẠCH ĐU A ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2021 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA
Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp	NNP	2,81	2,12		0,30			0,02		0,15	0,15		0,07			
1.1	Đất trồng lúa	LUA															
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC															
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK															
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN															
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH															
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD															
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX															
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS															
1.8	Đất làm muối	LMU															
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,81	2,12		0,30			0,02		0,15	0,15		0,07			
2.1	Đất quốc phòng	QOP															
2.2	Đất an ninh	CAN															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	1,14	1,14													
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMĐ															
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,27	0,71		0,30			0,01		0,15	0,10					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT															
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA															
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,13						0,01			0,05		0,07			

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				La Hà	Sông Vệ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Hòa	Nghĩa Điền	Nghĩa Thương	Nghĩa Trung	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Phương	Nghĩa Mỹ		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT																	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD																	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH																	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,27																
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																	

Phụ biểu 01:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN TỰ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Mặt tiền bản đồ địa chính (tờ hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Dương cum công nghiệp La Hà - Đường huyện DH.28	3,50	Thị trấn La Hà, Nghĩa Thương	Tờ 14, TT La Hà; Tờ 4 và 8, xã Nghĩa Thương	Quyết định số 9093/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Tự Nghĩa về việc phê duyệt dự án đầu tư. Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, Nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 1)	10.000			10.000			
2	Khắc phục sạt lở bờ Sông Vệ (đoạn cuối thị trấn Sông Vệ giáp xã Nghĩa Hiệp)	1,50	Thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Hiệp	Tờ 10 và 11 TT Sông Vệ; tờ 19 xã Nghĩa Hiệp	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí hỗ trợ khắc phục lũ lụt	1.100			1.100			
3	Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ	0,59	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ 13	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh của UBND tỉnh theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 8/4/2020 Về việc phân khai kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo, chống xuống cấp, mở rộng trường, lớp học năm 2020	1.100		1.100				

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện đồ hiện trạng sử	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)
4	Kê bảo vệ bờ Bắc sông Vệ đoạn hạ lưu cầu sông Vệ đoạn hạ lưu cầu sông Vệ (QL1A) và đoạn Cầu đường sắt, tỉnh Quảng Ngãi	2,51	Thị trấn Sông Vệ	tờ 10, 11, 14, 15	Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư sông Vệ (QL1A) và đoạn Cầu đường sắt, tỉnh Quảng Ngãi Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính Phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách	79.000	45.000	34.000				
5	Cải tạo lưới điện tiếp nhận các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điện, Nghĩa Thắng và Nghĩa Lâm huyện Tư Nghĩa	0,10	xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điện, Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm	Tờ 7, 8, 12 (xã Nghĩa Điện), tờ 12, 17, 20 xã Nghĩa Kỳ, tờ 10 xã Nghĩa Lâm	Quyết định số 91/QĐ-EVNCPC ngày 20/6/2019 của tổng công ty Điện lực Miền Trung về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư cải tạo lưới điện tiếp nhận khu vực huyện Tư Nghĩa;	2,0				2,0		

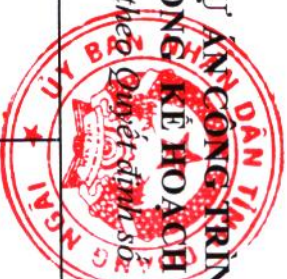
TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ thửa số, hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
6	Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn mới trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa	35,00	Nghĩa Kỳ (21,0 ha) Nghĩa Điện (14,0 ha)	Nghĩa Kỳ (từ 22 và 33) Nghĩa Điện (từ 1, 6, 7 và 11)	Công văn số 4316/UBND-NNTN ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc tập trung quyết liệt tổ chức thực hiện các nội dung cam kết của lãnh đạo UBND tỉnh với nhân dân tại nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Nghĩa Kỳ Thông báo số 197/TB-UBND ngày 28/9/2020 Kết luận của đồng chí Đảng Văn Minh, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại cuộc họp kiểm tra tiến độ thực hiện các cam kết của lãnh đạo UBND tỉnh với nhân dân liên quan đến việc xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Nghĩa Kỳ.	35.100		35.100				
7	Nâng cấp, Mở rộng tuyến đường phía Tây và phía Nam trường Đại học Tài chính kế toán	0,05	Thị trấn La Hà	Tờ 11, 12	Quyết định 5246/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc phân khai (đợt 6) kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2020	1.750,0	45.000		1.750,0			
Tổng		43,25				128.052	45.000	70.200	12.850	-	2	

Phụ biểu 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÔNG TRÌNH KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 VÀ KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LƯẬT ĐẤT

ĐẠI TRƯỞNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Diện tích Quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
1	Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh	0,17	Nghĩa Thương	Tờ 22	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư: Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh.	Chưa phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch huyện Tư Nghĩa đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ 494/QĐ-UBND ngày 28/6/2019. Tuy nhiên được UBND tỉnh thông nhất vị trí bố sung QHSD đất để thực hiện dự án tại Công văn số 4807/UBND-NNTN ngày 07/10/2020 của
2	Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát	0,54	TT La Hà	Tờ 22	Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư: Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát	
3	Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa	0,11	TT La Hà	Tờ 18	UBND tỉnh Quảng Ngãi cho thuê đất để xây dựng trạm xăng dầu tại Quyết định số 364/QĐ-UB ngày 11/11/2015, thời hạn thuê đất đến ngày 17/4/2021	Hết hạn sử dụng đất, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để làm thủ tục gia hạn
Tổng		0,82				

Phụ biểu 03:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2021 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 22 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường cụm công nghiệp La Hà - đường huyện DH 28	3,1	1,10		Thị trấn La Hà, xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 14, thị trấn La Hà và tờ 4, 8 xã Nghĩa Thương	
2	Cải tạo lưới điện tiếp nhận các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điền, Nghĩa Thăng và Nghĩa Lâm huyện Tư Nghĩa	0,1	0,01		xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điền, Nghĩa Lâm	Tờ 7, 8, 12 (xã Nghĩa Điền), tờ 12, 17, 20 xã Nghĩa Kỳ, tờ 10 xã Nghĩa Lâm	
3	Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ	0,59	0,56		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ 13	
4	Khắc phục sạt lở bờ Sông Vệ (đoạn cuối thị trấn Sông Vệ giáp xã Nghĩa Hiệp)	1,5	0,01		Thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Hiệp	Tờ 10 và 11 TT Sông Vệ; tờ 19 xã Nghĩa Hiệp	
5	Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa	35,00	9,50		Nghĩa Kỳ (5,50 ha) Nghĩa Điền (4,0 ha)	Nghĩa Kỳ (tờ 22) Nghĩa Điền (tờ 1, 6 và 7)	
6	Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát	0,54	0,54		Nghĩa Thương	Tờ 22	QĐ chủ trương đầu tư số 239/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
7	Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh	0,17	0,17		TT La Hà	Tờ 22	QĐ chủ trương đầu tư số 258/QĐ-UBND ngày 17/4/2020
Tổng		41,00	11,89				

Phụ biểu 04:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TƯ NGHĨA
(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021	Ghi chú
				Đã thu hỏi	Chưa thu hỏi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bầu Giang - Cầu mới	Nghĩa Điền	8,79	5,59	3,20	1,01	7,78	Diện tích còn lại thuộc đất của các hộ dân sống dọc 2 bên đường TL 624 hiện hữu, nhà dân đang ở nhiều, hồ sơ pháp lý về đất đai có sự thay đổi lớn, cần phải bố trí tái định cư). Từ năm 2019 đến nay, chủ đầu tư chưa triển khai công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và lập các hồ sơ có liên quan đối với phần diện tích còn lại và chưa có cam kết thực hiện hoàn thành các thủ tục trong năm 2021. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định	2015
2	Chinh trang KDC Tây Bầu Giang	TT La Hà Nghĩa Trung	15,60	11,37	4,23	11,37	4,23	Quy mô lớn, khó khăn trong việc lập PABT đối với diện tích đất ở. Hiện nay, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất được 13,20 ha; được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất 11,30 ha (Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 13/4/2020). Hiện nay dự án còn 2,40 ha đang kiểm kê, lập phương án bồi thường.	2018
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham) giai đoạn 2	Nghĩa Thắng Nghĩa Lâm	16,88	6,03	10,85			Dự án đang tuyến kéo dài, chưa phê duyệt giá đất cụ thể nên chưa phê duyet được phương án bồi thường. Diện tích bồi thường giải phóng mặt bằng lớn, ảnh hưởng nhiều đến nhà ở, vật kiến trúc nên xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021 để lập các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất theo quy định.	2018

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Tình hình giao		Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao	
4	Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tám bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	Nghĩa Thuận	4,46	4,20	0,26			Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021 Hiện nay đang vướng mắc phần diện tích 0,43 ha trùng trên phần diện tích của dự án Khu dân cư Du lịch suối nước khoáng nóng Nghĩa Thuận, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi đang điều chỉnh phương án bồi thường, quyết định thu hồi đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 269/TB-UBND ngày 11/11/2020. Vì vậy, Dự án xin tiếp tục thực hiện qua năm 2021 để tiếp tục lập hồ sơ trình UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất.
Tổng cộng				27,19	18,54	12,38	12,01	

Phụ biểu 05:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẠM THU HỘI ĐẤT QUÁ 03 NĂM ĐÃ LOẠI BỎ NAY XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN

TRONG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 22 /02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	Thị trấn Sông Vệ	3,3		3,30		3,30	Vướng bồi thường, giải phóng mặt bằng	
Tổng cộng			3,30	0,00	3,30	0,00	3,30		

Phụ biểu 06:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÔNG TRÌNH KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 VÀ KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LƯẬT ĐẤT ĐẠI XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2021	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Khu vực căn cứ chiến đấu mô phỏng Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	4,50		4,5			Vương giải phóng mặt bằng	Đang thỏa thuận bồi thường cho dân

Phụ biểu 07:

DANH MỤC LOẠI BỎ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CỦA NĂM 2018 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 CỦA

HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu thể thao xã Nghĩa Thắng	1,50	Nghĩa Thắng	Tờ 19	QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
2	Nhà văn hóa thôn An Tân	0,12	Nghĩa Thắng	Tờ 26: 443,444,328,524	QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
3	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Cư	0,12	Nghĩa Thắng		QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
4	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh Bắc	0,16	Nghĩa Thuận	Tờ 9: 278	QĐ số 1519/QĐ-UBND 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM	
5	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh Đông	0,08	Nghĩa Thuận	Tờ 13: 1187	QĐ số 729/QĐ-UBND 13/2/2017 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2017 thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM-nguồn vốn ngân sách tỉnh	
6	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh Nam	0,40	Nghĩa Thuận	Tờ 8: 494	QĐ số 1519/QĐ-UBND 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM	

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
7	Khu thể dục thể thao Mỹ Thạnh Bắc	0,40	Nghĩa Thuận	Tờ 8: 283	QĐ số 1519/QĐ-UBND 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM	
8	Khu thể thao xã Nghĩa Thuận	0,80	Nghĩa Thuận	Tờ 11: 33, 34, 60, 451. Tờ 12: 76, 77, 79, 120, 126	QĐ số 2652/QĐ-UBND 26/5/2017 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng các khu thể thao xã và nhà văn hóa thôn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM	
9	Nhà văn hóa xã	0,30	Nghĩa Mỹ	Tờ 6	QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
10	Khu thể thao xã Nghĩa Mỹ	1,00	Nghĩa Mỹ	Tờ 6	QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
11	Khu đô thị Bàu Giang	27,14	Nghĩa Trung	Tờ 1, 2	QĐ số 488/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh	
12	Khu thể dục thể thao Phú Thuận Tây	0,40	Nghĩa Thuận	Tờ 19: 182, 206, 208	QĐ số 1519/QĐ-UBND 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM	
13	Nhà Văn hóa thôn Hải Môn	0,07	Nghĩa Hiệp		QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch đầu tư ngân sách TW và ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG xây dựng NTM 2018	
	Tổng cộng	32,49				

Phụ biểu 08:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TƯ NGHĨA NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 23 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng số lô	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khu dân cư phía Nam C19	TT La Hà	5	0,09	Quý I- IV/2021	
2	Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà	TT La Hà	8	0,09	Quý I- IV/2021	
3	Khu dân cư phía Tây đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	TT Sông Vệ	88	0,99	Quý I- IV/2021	
4	Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa	TT La Hà	98	1,26	Quý I- IV/2021	
5	Khu dân cư dọc đường Cùm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương	Xã Nghĩa Thương	80	0,50	Quý I- IV/2021	
Tổng			279	2,92		

Phụ biểu 09:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN GIAO ĐẤT TRONG NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỰ NGHĨA**

(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 22 /02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Tình hình giao		(9)	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Khu dân cư phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa	TT La Hà	5,00	5,00				Đã thu hồi đất, xin chuyển tiếp để lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất để kết thúc Dự án	2018
2	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	Nghĩa Điền	3,10	3,10				Hiện nay công tác bồi thường, GPMB, thu hồi đất đã thực hiện xong, đã gửi hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường xin phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Nghĩa Hiệp, tuy nhiên hết thời gian kế hoạch sử dụng đất. Dự án xin tiếp tục thực hiện qua năm 2021 để đủ điều kiện hồ sơ trình UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất theo quy định.	2017
3	Khu dân cư số 3 - Gò Bằng	Xã Nghĩa Hiệp	0,8	0,80				Đã thu hồi đất, xin chuyển tiếp để lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất (qua đất cây xanh và công cộng) và giao đất phần còn lại (0,44 ha) đợt 2 để kết thúc Dự án. Phần diện tích còn lại này giao chủ đầu tư hoàn thiện hạ tầng để giao lại cho địa phương quản lý.	2017
4	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm công nghiệp La Hà	TT La Hà	5,97	5,97		5,53	0,44		
	Tổng cộng		14,87	14,87		5,53	0,44		